

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25/3/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nguyên.

Bà Ngô Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 278/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Mạc Thu T**, sinh năm 1989.

ĐKKHKT: KDC H 3, phường Đ, thành phố L, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: KDC K, phường M, thành phố L, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người được chị T ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng: Bà Vũ Thị C, sinh năm 1990. Địa chỉ: KDC T3, phường Đ1, thành phố L, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Đoàn Bảo T1**, sinh năm 1985.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC H 3, phường Đ, thành phố L, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Hàn Quốc. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Đoàn Bảo T2**, sinh năm 1961. Địa chỉ: Số 122 Yết Kiêu, KDC H 3, phường Đ, thành phố L, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Mạc Thu T trình bày: Chị và anh Đoàn Bảo T1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Chí Linh (nay là phường Đ, thành phố L), tỉnh Hải Dương vào ngày 28/3/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T1 chơi bời, không quan tâm đến gia đình vợ con. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Năm 2018 chị bỏ về nhà đẻ ở, anh T1 không có ý định tìm đón chị về đoàn tụ. Cuối năm 2018, anh T1 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc nhưng anh cũng chỉ liên lạc điện thoại để hỏi thăm con cái, các vấn đề khác vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đoàn Bảo T1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đoàn Việt A, sinh ngày 02/11/2007 và Đoàn Bảo N, sinh ngày 21/9/2012. Hiện con Đoàn Việt A đang ở với ông bà nội, còn con Đoàn Bảo N đang ở với chị. Chị đề nghị được nuôi con Đoàn Bảo N, giao cho anh T1 nuôi con Đoàn Việt A, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh T1 không có mặt tại Việt Nam, chị T nhất trí giao con Đoàn Việt A cho ông Đoàn Bảo T2 chăm sóc.

Về tài sản, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai cũng như không có ai nợ vợ chồng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đoàn Bảo T2 (là bố đẻ anh T1) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh T1 ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh T1 vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại, ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh T1 biết. Thông qua gia đình anh T1 trình bày và xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được, chị T xin ly hôn, anh T1 nhất trí. Khi ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung Đoàn Việt A và nhất trí để chị T nuôi dưỡng con Đoàn Bảo N cho đến khi các con thành niên, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam, anh ủy quyền cho ông chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đoàn Việt A và anh có trách nhiệm gửi tiền về cho ông nuôi dưỡng cháu Việt A. Về tài sản chung, anh xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh đề nghị được giải quyết vắng mặt. Ông T2 có quan điểm giải quyết theo nguyện vọng của anh chị và nhất trí nhận ủy quyền chăm sóc cháu Đoàn Việt A cho đến khi anh T1 về nước.

Con chung của chị T và anh T1 là cháu Đoàn Việt A có nguyện vọng được ở với anh T1 và ông bà nội; cháu Đoàn Bảo N có nguyện vọng được ở với chị T.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị T, anh T1 đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại địa phương, quá trình chung sống vợ chồng anh T1 đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài đến nay chưa về nước, chị T không sống tại gia đình nhà chồng mà đã dọn về nhà đẻ ở từ lâu, vợ chồng mỗi người sống một nơi, tình cảm không có sự chia sẻ, gắn bó. Nay chị T có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xử cho chị Mạc Thu T ly hôn anh Đoàn Bảo T1. Về con chung: Giao con chung Đoàn Bảo N cho chị T nuôi dưỡng; giao con chung Đoàn Việt A cho anh T1 nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao cháu Đoàn Việt A cho ông T2 nuôi dưỡng trong thời gian anh T1 không có mặt tại Việt Nam; chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Mạc Thu T sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Đoàn Bảo T1 có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại KDC H 3, phường Đ, thành phố L, tỉnh Hải Dương, hiện anh T1 đang lao động tại Hàn Quốc. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T1 ở Hàn Quốc. Tòa án đã đề nghị gia đình anh T1 cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình anh T1 và gia đình đã thông báo cho anh T1 biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh T1, đồng thời Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T1 và ông T2 vắng mặt và có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mạc Thu T và anh Đoàn Bảo T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Chí Linh (nay là phường Đ, thành phố L), tỉnh Hải Dương vào ngày 28/3/2007

là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T1 chơi bời, không quan tâm đến gia đình vợ con, vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, anh T1 đi làm ăn nhưng không liên lạc về nhà cho chị mà chỉ hỏi thăm con cái. Vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1, thông qua gia đình anh T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị T ly hôn anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đoàn Việt A, sinh ngày 02/11/2007 và Đoàn Bảo N, sinh ngày 21/9/2012, hiện con Đoàn Việt A đang ở với ông bà nội, còn con Đoàn Bảo N đang ở với chị, chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Đoàn Bảo N, để anh T1 nuôi dưỡng con chung Đoàn Việt A cho đến khi các con thành niên, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Hiện tại anh T1 đang lao động ở Hàn Quốc, thông qua gia đình anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Đoàn Việt A cho đến khi thành niên, trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam anh ủy quyền cho ông T2 chăm sóc con Đoàn Việt A, chị T nhất trí giao con Việt A cho ông T2 chăm sóc trong thời gian anh T1 không có mặt tại Việt Nam. Con Đoàn Việt A cũng có nguyện vọng được ở với anh T1 và ông bà nội; con Đoàn Bảo N có nguyện vọng được ở với chị T. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Đoàn Bảo N cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Đoàn Việt A cho anh T1 chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Tạm giao con chung Đoàn Việt A cho ông Đoàn Bảo T2 nuôi dưỡng trong thời gian anh T1 không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Mạc Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của chị Mạc Thu T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mạc Thu T ly hôn anh Đoàn Bảo T1.
2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Mạc Thu T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đoàn Bảo N, sinh ngày 21/9/2012 và giao cho anh Đoàn Bảo T1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đoàn Việt A, sinh ngày 02/11/2007 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Chị T, anh T1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao con chung Đoàn Việt A cho ông Đoàn Bảo T2 nuôi dưỡng trong thời gian anh T1 không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Không xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Chị Mạc Thu T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu số AA/2020/0004622 ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Mạc Thu T và ông Đoàn Bảo T2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Đoàn Bảo T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Đ, thành phố L, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường
(Đã ký)